

# NHẬN DIỆN HÀNH VI TỪ CHỐI LỜI ĐỀ NGHỊ CỦA NGƯỜI MỸ VÀ NGƯỜI VIỆT TỪ GÓC ĐỘ LÝ THUYẾT HÀNH VI

Vương Thị Hải Yến, Bùi Thanh Nga

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** Cũng giống như các hành vi khác, hành vi từ chối lời đề nghị được làm gì đó cho ai xuất hiện ở tất cả các ngôn ngữ. Nó được dùng để biểu thị sự không chấp nhận một lời đề nghị nào đó theo hướng đã được đề xuất trong quan hệ giao tiếp hội thoại. Trong khuôn khổ bài viết này, người viết trình bày một số tiêu chí nhận diện hành vi từ chối lời đề nghị của người Mỹ và người Việt dựa trên lý thuyết hành vi. Qua đó, tác giả cũng phân biệt hành vi từ chối lời đề nghị với các hành vi từ chối khác, góp phần giúp người học dễ dàng nhận diện hành vi từ chối lời đề nghị với các hành vi khác, nâng cao hiệu quả trong quá trình giao tiếp, tránh những xung đột, những “cú sốc văn hóa”.

**Từ khóa:** Hành vi ngôn ngữ, lời đề nghị, hành vi từ chối, hành vi từ chối lời đề nghị.

Nhận bài ngày 25.7.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.9.2022

Liên hệ tác giả: Vương Thị Hải Yến; Email: vthyen@daihocthudo.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1.1. Hành vi đề nghị và hành vi từ chối lời đề nghị

#### 1.1.1. Hành vi đề nghị

Theo Hornby (2003, t.551) “*Offer means an act of saying that you are willing to do something for somebody or give something to somebody*” (Đề nghị nghĩa là hành động nói rằng bạn sẵn sàng làm điều gì đó cho ai đó hoặc cho ai đó cái gì). Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên (2006, t.308), hành động đề nghị là “...Yêu cầu, thường là việc riêng, và mong được chấp nhận...”. Như vậy, mục đích của hành động đề nghị là hướng tới hành động tương lai của người nói. Theo phân loại hành vi ngôn ngữ của Searle (1969) thì hành vi đề nghị được làm gì đó cho ai (*offer*) thuộc nhóm *Cam kết (Commissives)*. Trong đó, người nói cam kết thực hiện một hành động trong tương lai có lợi cho người nghe. Hướng khớp ghép là hiện thực- lời, người nói muốn hiện thực được thay đổi theo mong muốn của mình. Điều kiện chân thực là ý định thực hiện hành động của người nói. Nội dung mệnh đề là hành động tương lai của S (người nói). Khi sử dụng động từ đề nghị được làm gì đó cho ai (*offer*), người nói thường hạ thấp mình một chút, nhún nhường để tỏ ra lịch sự mặc dù vị thế xã hội cao hơn, ngang bằng hay thấp đều

có thể sử dụng được nó. Sự phân biệt này cho thấy hành vi đề nghị được làm gì đó cho ai (*offer*) khác với hành vi thỉnh cầu ai đó làm gì cho mình (*request*). Theo sự phân loại Hành vi ngôn ngữ (HVNN) của Searl (1969), hành vi thỉnh cầu ai đó làm gì cho mình (*request*) thuộc nhóm *Điều khiển* (*Directives*), trong đó người nói dùng ngôn từ để khiến người nghe thực hiện một hành vi nào đó theo ý của mình, có lợi cho người nói.

Ví dụ 1: Đức Hồng Y đến nhà tìm bà ngoại của Justine và cô bé đề nghị được giúp ngài (Colleen, 1977, t.379)

Justine: *Do you need us?*

(Ông có cần cháu dẫn đường gặp ngoại không ạ?)

Đức Hồng Y De Bricassart: *No, thank you. I know my way.*

(Không, cảm ơn cháu. Tôi biết đường.)

Ví dụ trên cho thấy, phát ngôn của Justine là lời đề nghị được dẫn Hồng Y đến gặp bà ngoại “*Do you need us?*”, còn phát ngôn mà Đức Hồng Y De Bricassart đưa ra là lời từ chối với lời đề nghị mà Justine đưa ra.

Ví dụ 2: Cuộc thoại giữa Quý và thầy Chí khi hai người đang cười ngửa trên đường (Lê, 2001, t.74)

Quý: *Thầy có thể cho tôi theo phụ giúp thầy được không?*

Chí: *Thầy từ chối. Vất vả lắm. Em kham làm sao được.*

Trong đoạn thoại trên, vai giao tiếp của Quý thấp hơn so với Chí thể hiện qua cách xưng hô (thầy- tôi, thầy – em). Chí đã từ chối trực tiếp lời đề nghị của Quý “Thầy từ chối” và kèm theo lý do “Vất vả lắm. Em kham làm sao được.” để làm giảm nhẹ bớt sự căng thẳng, cũng như giữ thể diện cho đối ngôn.

### 1.1.2. Hành vi từ chối lời đề nghị

Theo Hornby (2003, p. 1052), “*Refusing an offer means saying or showing that you do not want to do or accept the offer of someone*” (từ chối một lời đề nghị có nghĩa là nói hoặc thể hiện rằng bạn không muốn hoặc từ chối thực hiện một đề nghị nào đó.). Như vậy, có thể thấy hành vi từ chối lời đề nghị là hành vi hồi đáp đối với hành vi đề nghị tiền vị được làm gì đó cho ai theo hướng không chấp thuận, không đáp ứng những nội dung mà phía đề nghị đề xuất ngay tại thời điểm đề xuất. Với ý nghĩa này thì hành vi từ chối lời đề nghị có thể là hồi đáp trực tiếp bằng động từ ngữ vi hoặc các từ phủ định, cũng có thể là hồi đáp từ chối gián tiếp bằng lời trì hoãn hoặc đưa ra phương án thay thế. Trong ví dụ 1 ở trên, Hồng Y đã từ chối trực tiếp lời đề nghị của cô bé Justine và kèm theo lý do “*No, thank you. I know my way.*” (*Không, cảm ơn cháu. Tôi biết đường*) hay trong ví dụ 2, Chí đã từ chối trực tiếp lời đề nghị của Quý “Thầy từ chối” và kèm theo lý do “Vất vả lắm. Em kham làm sao được.”

## 2. NỘI DUNG

### 2.2. Phân biệt hành vi từ chối với các hành vi khác

#### 2.2.1. Phân biệt hành vi từ chối và hành vi phủ định

Phủ định là hình thức đối lập của khẳng định. Phủ định có thể chia thành hai loại là phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ. Theo tác giả Nguyễn Đức Dân (1998, 395). Phủ định miêu tả là “hành vi khẳng định thuộc tính không A của sự vật, nó có thể xuất hiện trong bất cứ thời điểm nào của quá trình tư duy về sự vật và mối quan hệ giữa chúng”. Phủ định bác bỏ là “sự bác bỏ một kết luận A chỉ xảy ra khi trước đó có sự khẳng định về A, khẳng định trực tiếp hay gián tiếp, thậm chí đó là khẳng định phi ngôn ngữ”. Phủ định thực hiện ba chức năng quan trọng là: Phủ nhận tính chân thực của một mệnh đề; Khẳng định một sự cố, một tình cảm không diễn ra; Bác bỏ một ý kiến, quan điểm của người khác.

Như vậy phủ định vừa là một tình thái (theo quan điểm logic ngữ nghĩa) vừa là một hành vi ngôn ngữ (theo quan điểm ngữ dụng). Phủ định được dùng trong hành vi ngôn ngữ có hai đặc trưng ngữ nghĩa là hành vi miêu tả sự vật tồn tại hay không tồn tại và hành vi bác bỏ. Trong hội thoại cấu trúc phủ định – bác bỏ thể hiện chủ yếu ở tham thoại hồi đáp.

Ví dụ 3: Cuộc thoại giữa hai chị em gái ở phòng bếp (Tư liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim Sống chung với mẹ chồng chiếu trên VTV3)

Người chị: Ngày mai sang trông nhà cho chị nhé.

Người em: Ngày mai em không trông được đâu. Ngày mai em đi học mà.

Trong ví dụ trên lời đáp của người em chính là một cấu trúc phủ định nhằm từ chối thực hiện nội dung cầu khiến. Phủ định nhằm từ chối bao giờ cũng liên quan đến lời cầu khiến tiền vị. Dạng thức khái quát: phủ định nhằm từ chối. Trong tiếng Việt những từ như đâu, sao, được là những từ phiếm định có chức năng tạo câu bác bỏ có hàm ý từ chối như gì đâu, có đâu, sao được,...

Ví dụ 4: Cuộc thoại giữa hai anh em ở phòng bếp (Tư liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim Tuổi thanh xuân chiếu trên VTV3)

Người em: Anh giúp em rửa bát nhé

Người anh: Anh rửa sao được, anh đang bận mà.

Thực tế cho thấy khó mà xác định được ranh giới giữa hành vi bác bỏ và hành vi từ chối. Có những hội thoại sử dụng hình thức phủ định bác bỏ rõ ràng mà không liên quan đến hành vi từ chối.

Ví dụ 5: Cuộc thoại giữa hai đồng nghiệp tại văn phòng (Tư liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim Sống chung với mẹ chồng chiếu trên VTV3)

Đồng nghiệp 1: Chị mặc cái áo này trông thật xinh.

Đồng nghiệp 2: Xinh gì nữa, già rồi cô ạ.

Ví dụ 6: Cuộc thoại giữa hai người hàng xóm tại sân làng (Tư liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim Về nhà đi con -P3 chiếu trên VTV3)

Hàng xóm 1: Bác đang làm gì thế?

Hàng xóm 2: Tôi có làm gì đâu.

Trong ví dụ (4), phát ngôn của người anh trai là phát ngôn miêu tả, lời đáp là bác bỏ những miêu tả này bằng cách dùng từ phủ định không, hay các từ gì nữa, có, đâu. Trong ví dụ (5), tất cả các lời đáp trên đều không có hàm ý từ chối. Lời đáp của người hàng xóm 2 trong ví dụ (6), chỉ có mục đích phủ định. Với hành vi hỏi, hành vi hỏi đáp chỉ là đáp lại hoặc trả lời không thể coi là hành vi từ chối khi câu hỏi không mang hàm nghĩa cầu khiến trong ngữ cảnh cụ thể.

Ví dụ 7: Cuộc thoại giữa hai đồng nghiệp tại văn phòng (Tư liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim Những cô gái lên thành phố chiếu trên VTV3)

Người nói 1: Vàng sắp lên đây anh xem mua vào đi một ít.

Người nói 2: Minh tiền đâu mà mua vàng. Lương tháng nào tiêu hết tháng đó rồi.

Trong ví dụ (7), người nói 2 đã bác bỏ lời đề nghị của người nói 1 từ đó người nói 1 suy ra ý định từ chối của người nói 2. Như vậy, hành vi bác bỏ để từ chối chỉ liên quan đến những hành vi cầu khiến tiền vị. Còn những hành vi khen chê, trách cứ, lời đáp (phủ nhận hay bác bỏ) chỉ là cách bác bỏ một vấn đề, một sự tình. Dạng thức khái quát phủ định nhằm bác bỏ để từ chối là: Phủ định → bác bỏ → từ chối.

### **2.2.2. Phân biệt hành vi từ chối và hành vi cấm đoán, ngăn cản.**

Hành vi cấm đoán, ngăn cản là hình thức đối lập với cho phép, nó có thể là một phát ngôn độc lập, xét ví dụ:

Ví dụ 8: Biển báo ở cổng trường học (Tư liệu do tác giả thu thập)

“Ở đây cấm bán hàng rong.”

hoặc là một lời khởi xướng.

Ví dụ 9: Cuộc thoại giữa ông bố cô gái và chàng trai theo đuổi cô con gái tại cổng nhà (Tư liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim Sóng ở đáy sông chiếu trên VTV3)

Ông bố: Tôi cấm anh không được qua lại đây nữa.

Chàng trai: Bác đừng thế, cháu xin bác.

Hành vi từ chối và hành vi cấm đoán, ngăn cản cũng có những điểm trùng giống nhau. Hành vi từ chối không chấp nhận lời cầu khiến cắt đứt ý muốn của người cùng tham thoại, có thể được sử dụng ở dạng thức mệnh lệnh hoặc sử dụng trực tiếp các động từ ngữ vi biểu thị sự cấm đoán. Lời từ chối dạng cấm đoán, ngăn cản liên quan đến hành vi cầu khiến tiền vị thường mang tính áp đặt cao khiến hội thoại dễ bị đứt quãng và không tiếp tục nữa. Dạng thức này như sau: Cấm đoán/ ngăn cản nhằm từ chối → Từ chối.

Theo Đỗ Hữu Châu (2001, 239) có những cặp kế cận tương thích về HVNN như: hỏi – trả lời, cầu khiến – chấp thuận/từ chối, chào – chào, xin lỗi – đáp lời xin lỗi,... Tác giả Nguyễn Đức Dân (1998) cũng đưa ra bảng cấu trúc được ưa chuộng với những cặp hành vi ngôn ngữ: đánh giá – đồng ý/ không đồng ý, mời – chấp nhận/ từ chối, yêu cầu – chấp nhận/ từ chối. Chúng tôi nhận thấy HVTC thường là lời hỏi đáp cho hành vi đề nghị, mời rủ, khuyên bảo, yêu cầu, nhờ vả tức là hỏi đáp cho những hành vi cầu khiến để phân biệt với hành vi phủ định và hành vi cấm đoán, ngăn cản, bác

## 2.3. Tiêu chí nhận diện hành vi từ chối lời đề nghị

### 2.3.1. Ngữ cảnh tình huống

Tiêu chí đầu tiên để nhận diện hành vi từ chối lời đề nghị được làm gì đó cho ai là phải có một ngữ cảnh tình huống hiện thực tác động đến nhu cầu, quyền lợi của một trong hai bên tham thoại làm tiền đề cho hành vi từ chối lời đề nghị xuất hiện.

*Ví dụ 10: Cuộc thoại giữa ông Phil và cô con gái Jenny tại phòng khách về việc chưa thấy giấy báo của trường đại học (Erich, 1970, t.13)*

*Ông Phil: Would you like me to telephone them?*

*(Con có muốn bố gọi điện thoại cho họ không?)*

*Jenny: No! ... I want to get a letter like other people, sir. Please.*

*(Không! ... Con muốn nhận được thư báo cùng một lúc với chúng bạn.)*

Trong ví dụ trên, việc chưa nhận được giấy báo nhập học của cô con gái Jenny là một hiện thực cho việc xuất hiện lời đề nghị của ông bố đưa và tiền đề cho phát ngôn từ chối của Jenny “No! ... I want to get a letter like other people, sir. Please.” (Không! ... Con muốn nhận được thư báo cùng một lúc với chúng bạn)

*Ví dụ 11: Cuộc thoại giữa Mai và Lộc tại phòng khách (Khái, 1934, t.52)*

*Mai: Em đi lấy dầu để xoa anh nhé.*

*Lộc: Thôi!... Anh khỏi rồi.*

Ở tình huống trên, “Thôi” cho thấy mức độ từ chối có xu hướng giảm nhẹ, ngăn ngừa yếu tố căng thẳng hoặc gây phản ứng từ phía người tiếp nhận. Có thể thấy, từ THÔI diễn tả ý định từ rõ ràng nhưng nhẹ hơn KHÔNG và cũng là từ có tần suất xuất hiện nhiều hơn các từ khác trong tiếng Việt.

### 2.3.2. Nội dung mệnh đề

Trong một cảnh huống xác định, người nói biểu thị nội dung từ chối bằng việc không chấp nhận một thay đổi nào theo hướng lời đề nghị đã được đề xuất trong quan hệ giao tiếp hội thoại. Trong đối thoại, tiền ngữ của lời từ chối lời đề nghị là một lời đề nghị được làm gì đó cho ai tạo thành một cặp kể cận với nhau.

Trong ví dụ 10, mối quan hệ giữa cô con gái Jenny và ông bố là mối quan hệ thân mật, do vậy cô gái đã từ chối trực tiếp lời đề nghị mà ông bố đưa ra kèm theo lý do “No! ... I want to get a letter like other people, sir. Please.” (Không! ... Con muốn nhận được thư báo cùng một lúc với chúng bạn.)

*Ví dụ 12: Cuộc thoại giữa ngài Morris- ông chủ một cửa hàng với McMurdo- một hội viên trong nhóm Hội tự do tại buổi họp câu lạc bộ (Arthur, 1986, t. 271)*

*Morris: I offer you a clerkship in my store.*

*(Tôi muốn mời ông vào làm công trong cửa hàng của tôi.)*

*McMurdo: ... I refuse it...*

(... tôi từ chối.)

Ví dụ trên cho thấy, phát ngôn của McMurdo có chứa động từ *refuse* nhằm mô tả hành động từ chối dứt khoát của McMurdo với lời đề nghị của ngài Morris, bất chấp vị thế xã hội giữa hai người như thế nào.

*Ví dụ 13: Cuộc thoại giữa Thu với ông Quận ở phòng khách (Chu, 2003, t.233)*

*Thu: Em pha nước cho ông quận uống, chẳng mấy khi.*

*Ông Quận: Khỏi cần.*

Từ “Khỏi/ khỏi cần” (biến âm của KHÔNG, phương ngữ Trung – Nam bộ) chỉ rõ người từ chối muốn phủ nhận khả năng của mình, muốn thoái thác, không muốn liên quan đến nội dung đề nghị.

### 2.3.3. Các hình thức đánh dấu ý định từ chối.

Để thấy được hiệu lực ở lời, bên cạnh việc căn cứ vào ngữ cảnh tình huống, nội dung mệnh đề thì phải căn cứ vào các dấu hiệu hình thức của phát ngôn. Một hành vi ngôn ngữ, theo Searle (1969), được nhận diện khi nó chứa một/ một vài dấu hiệu hình thức (IFIDs - illocutionary force indicating devices) sau đây: động từ ngữ vi (*refuse/ từ chối*), các biểu thức từ chối trực tiếp hoặc gián tiếp, các từ ngữ chuyên dùng như *No, not, never, ...* trong tiếng Anh của người Mỹ và không, thôi, không cần, không thể ... của người Việt.

*Ví dụ 14: Cuộc thoại giữa hai đồng nghiệp trong giờ nghỉ trưa ở một văn phòng (Tu liệu truyền hình do tác giả thu thập trong phim the X-files- hồ sơ tuyệt mật của Mỹ chiếu trên VTV3)*

*Betty: Um, sorry to interrupt, but can I get you lunch?*

(Um, xin lỗi là đã cắt ngang lời cậu, nhưng mình lấy đồ ăn cho cậu nhé?)

*Daniel: No, no. But you go ahead, thanks.*

(Không không. Cậu cứ lấy cho cậu đi. Mình cảm ơn)

Ở HVTC lời đề nghị trong phát ngôn trên của cô bạn Daniel xuất hiện từ phủ định “*no, no*” là phương tiện chỉ dẫn hiệu lực tại lời.

*Ví dụ 15: Cuộc thoại giữa bảo vệ Mick với ngài Will Traynor dưới tầng hầm để xe (Jojo, 2012, t.10)*

*Mick: You want me to call a taxi for you? (Ngài muốn tôi gọi taxi cho ngài không?)*

*Will Traynor: No. (Không đâu)*

Cấu trúc rút gọn đặc biệt sử dụng NO ở ví dụ trên cho thấy NO có thể tạo thành một phát ngôn từ chối hoàn chỉnh không kèm theo bất kỳ một yếu tố ngôn ngữ nào. Will Traynor dường như thể hiện sự từ chối dứt khoát với đề nghị trước đó của Mick.

*Ví dụ 16: Cuộc thoại giữa chủ nhà Liễu và anh cảnh sát tại phòng khách (Nguyễn, 2003, t.411)*

*Liễu: Chiều nay, mời các anh ở đây ăn cơm tập thể với gia đình nhà em. Tối nay, có lẽ các anh còn phải đi tìm, nhà em muốn gửi các anh chút bồi dưỡng làm đêm.*

Anh cảnh sát: *Chị cứ giữ lại, khi nào tìm thấy anh ta, dùng tiền này, mua con lợn ăn mừng, chúng tôi sẽ kéo cả huyện đến.*

Trong tình huống trên, anh cảnh sát đã từ chối gián tiếp lời đề nghị của Liễu bằng việc sử dụng từ vựng trong cách thức từ chối gián tiếp “*Chị cứ giữ lại, khi nào tìm thấy anh ta, dùng tiền này, mua con lợn ăn mừng, chúng tôi sẽ kéo cả huyện đến*”.

#### 2.4. Hành vi từ chối lời đề nghị trực tiếp và gián tiếp

Từ chối trực tiếp lời đề nghị được làm gì đó cho ai (refusing an offer) là hành vi ngôn ngữ biểu hiện tường minh ý định từ chối thực hiện đề nghị bằng cấu trúc bề mặt ngôn từ. Người nghe trực tiếp nhận biết ý định từ chối mà không cần suy đoán hoặc không dựa vào ngữ cảnh, vào vốn hiểu biết, kinh nghiệm ngôn ngữ của bản thân mình.

Ví dụ 17: Lâm gọi điện thoại cho cô người yêu (Nguyễn, 2005, t.9)

Lâm: *Trưa nay anh đến đón em đi ăn nhé.*

Phương: *Em không đi được đâu. Tốt nhất là anh về công ty ăn cơm tập thể với em.*

Trong ví dụ trên, Phương đã từ chối trực tiếp lời đề nghị của Lâm đến đón cô đi ăn trưa bằng cách sử dụng từ phủ định “không ... được” nhằm diễn tả ý định từ chối tường minh, thực hiện đúng với đích ở lời và điều kiện sử dụng (là lời từ chối trực tiếp một lời đề nghị) trong một tình huống phù hợp nhất định. Như vậy, hành vi từ chối trực tiếp lời đề nghị được làm gì đó cho ai tạo hiệu lực tại lời xác định.

Ví dụ 18: Cuộc thoại giữa Vicomte De Nanjac- nhân viên đại sứ quán Pháp tại London với bà công tước Basildon (Oscar, 2000, t.15)

Vicomte De Nanjac: *May I have the honour of taking you down to supper, Comtesse?*

(Thưa bà công tước, xin bà cho tôi được vinh hạnh đưa bà xuống dưới dùng bữa đêm.)

Quý bà Basildon: *I never take supper, thank you, Vicomte.*

(Tôi không bao giờ ăn đêm. Cảm ơn Vicomte.)

Lời từ chối “*I never take supper*” (Tôi không bao giờ ăn đêm của bà công tước thể hiện sự phủ định tuyệt đối lời đề nghị của Vicomte, đồng thời cũng thể hiện những nguyên tắc cá nhân của mình.

Trên thực tế, từ chối trực tiếp lời đề nghị được làm gì đó cho ai nhiều khi là “sự thật mất lòng”, đe dọa thể diện của đối ngôn. Do vậy, từ chối gián tiếp lời đề nghị được làm gì đó cho ai là một giải pháp hữu hiệu để người nói đạt mục đích giao tiếp của mình, giảm mức độ đe dọa thể diện của cả hai bên tham thoại xuống mức thấp nhất và duy trì được cuộc thoại. Từ chối gián tiếp lời đề nghị được làm gì đó cho ai (refusing an offer) là hành vi ngôn ngữ biểu hiện ý định từ chối, không chấp thuận thực hiện một đề nghị nào đó bằng hình thức hiển ngôn mà người nghe phải dựa vào kinh nghiệm cuộc sống, cảnh huống và vốn ngôn ngữ của mình để nhận diện hàm ý từ chối.

Ví dụ 19: Cuộc thoại giữa Dũng và người tài xế khi hai người ra xe (Nhất, 1997, t.62)

Dũng: *Ông để tôi cầm hộ cho đỡ mệt.*

Người tài xế: Ông còn đau cầm sao được.

Trong ví dụ trên, khi Dũng đề nghị được giúp người tài xế mang đồ ra xe nhưng người lái xe từ chối gián tiếp lời đề nghị đó bằng việc nêu ra sự bất cập “Ông còn đau cầm sao được.”. Lời từ chối gián tiếp này có thể hiểu là do sức khỏe của Dũng không đảm bảo để có thể thực hiện được lời đề nghị, và cũng có thể biểu thị một nguyên tắc ngầm rằng đây là nhiệm vụ của người lái xe.

Ví dụ 20: Cuộc thoại giữa Hagen và ông trùm tại bệnh viện (Mario, 1983, t.250)

Hagen: *Do you want me to call Freddie home for a few days?*

(Bác có muốn cháu kêu thằng Freddie về chơi một vài ngày không?)

Ông Trùm: *What for? My wife can still cook our meals. Let him stay out there.*

(Gọi cái thằng ấy về làm gì? bà vợ tao vẫn có thể nấu ăn cho mọi người được mà. Kệ nó ở đấy.)

Trong ví dụ trên, ông trùm đã sử dụng cụm từ nghi vấn “what for” (Gọi cái thằng ấy về làm gì?) kèm theo lời giải thích “My wife can still cook our meals.” (bà vợ tao vẫn có thể nấu ăn cho mọi người được mà) bác bỏ lại lời đề nghị của Hagen đã làm rõ ý từ chối của ông trùm. Ông viện đến hình ảnh (bà vợ tao vẫn có thể nấu ăn cho mọi người được mà.) là cách nói hàm ý giúp người nghe nhận diện hàm ý từ chối, rằng Freddie về cũng chỉ vô ích mà thôi, rằng anh ta không có năng lực để giải quyết những vấn đề mà ông trùm đang lo lắng.

### 3. KẾT LUẬN

Như vậy, hành vi từ chối lời đề nghị có thể được thực hiện bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp tùy từng cảnh huống, vai giao tiếp, đối tượng giao tiếp và mục đích giao tiếp. Từ góc độ lý thuyết hành vi, hành vi từ chối lời đề nghị được làm gì đó cho ai có thể được nhận diện dựa vào các tiêu chí như ngữ cảnh tình huống; nội dung mệnh đề; và các hình thức đánh dấu ý định từ chối như động từ ngữ vi tường minh, các từ phủ định,... Ngoài ra, nghiên cứu cũng đã chỉ ra được sự khác biệt giữa hành vi từ chối lời đề nghị với một số hành vi ngôn ngữ khác. Qua bài viết này, người viết hi vọng cung cấp cho người đọc những thông tin liên quan đến việc nhận diện hành vi từ chối lời đề nghị của người Mỹ và người Việt dựa trên lý thuyết hành vi từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giao tiếp cao nhất.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arthur Conan Doyle (1986), *Sherlock Homes Complete*, Bantam Classics.
2. Chu Lai (2003), *Sống xa*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Colleen McCullough (1977), *The Thornbird*, Harper & Row; Book Club edition.
4. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học tập II*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. Erich Segal (1970), *Love story*, Coronet Books, Hodder Paperbacks Ltd.
6. Hoàng Phê (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
7. Hornby, A. S (2003), *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, Oxford University Press.
8. Jojo Moyes (2012), *Me before you*, Pamela Dorman Books.
9. Khái Hưng (1934), *Nửa chừng xuân*, Nxb. Đồi Nây, Hà Nội.

10. Lê Văn Trương (2011), *Trận đời*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
11. Mario Puzo (1983), *The Godfather*, Berkley.
12. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học tập I*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13. Nguyễn Như Phong (2003), *Cổ cồn trắng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Như Phong (2005), *Chạy án tập 2*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Nhất Linh (1997), *Đoạn tuyệt*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
16. Oscar Wilde (2000), *An Ideal Husband*, Dover Publications Inc, London.
17. Searle, J. R. (1969), *Speech Acts: An Essay in the Philosophy of Language*, Cambridge University Press.

### **THE REALIZATION OF THE SPEECH ACT OF REFUSAL OF OFFERS BY THE NATIVE SPEAKERS OF AMERICAN ENGLISH AND THE VIETNAMESE**

**Abstract:** *Like other speech acts, the speech act of refusal of offers occurs in all languages. It is used to express the declination of offers in conversations. This study focuses on some criteria in identifying the speech act of refusal of offers by the native speakers of American English and the Vietnamese. The writer also makes differences between this speech act with other ones of refusals. It enables learners of English to avoid the misunderstandings in communication and improves the effectiveness of communication and avoid culture conflicts and shocks.*

**Keywords:** *Speech acts, offers, the speech act of refusals, the speech act of refusing offers.*